

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/DS-PT

Ngày: 24-03-2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự  
vay tài sản*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Tâm

*Các Thẩm phán:* Ông Huỳnh Châu Thạch

Bà Lê Thị Vân

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Khánh Thành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng:** Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 03 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2022/TLPT-DS ngày 12 tháng 01 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 57/2021/DSST ngày 26/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 21/2022/QĐ-PT ngày 24 tháng 01 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2022/QĐ-PT ngày 22/02/2022 và Thông báo mở lại phiên tòa ngày 01/3/2022 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Duy T, sinh năm 1984; Trú tại: Thôn 1, xã N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Ủy quyền cho ông Hà Văn M, sinh năm: 1982, Trú tại: thôn 2 xã N2, huyện L, tỉnh Đ. Theo văn bản ủy quyền ngày 11/2/2022. Có mặt.

**2. Bị đơn:** Ông B, sinh năm 1979; trú tại: Thôn 5B, xã H1, huyện L, tỉnh Đ. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà H3, sinh năm 1982; Trú tại: Thôn 5B, xã H, huyện L, tỉnh Đ. Có mặt

Người kháng cáo: Bà H3 - Người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ vụ án có nguyên đơn ông Nguyễn Duy T trình bày:* Từ năm 2018 và 2019 ông nhiều lần cho ông B vay tiền nhưng đã thanh toán xong. Ngày 10-3-2020 ông B có vay ông số tiền 1.452.000.000đồng để đáo hạn Ngân hàng và cam kết trả ngay sau khi đáo hạn xong, chậm nhất là ngày 19-03-2020 ông B sẽ trả hết số tiền trên cho ông. Quá hạn ông B không trả tiền, ông đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông B không trả.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông B, bà H3 thanh toán trả cho ông số tiền gốc 1.452.000.000đồng và tiền lãi tính từ ngày 19/3/2020 đến nay là 20 tháng 03 ngày theo mức lãi suất 1,66%/tháng thành tiền 487.688.000đồng. Tổng cộng 1.939.688.000đồng. Việc ông B khai chỉ vay tiền từ năm 2019 là không đúng, việc vay mượn giữa hai bên năm 2019 đã tự thanh toán với nhau xong.

*Bị đơn ông B trình bày:* Ông có vay của ông T số tiền 173.000.000đồng ngày 11-5-2019 và vay 400.000.000đồng ngày 2-8-2019, tổng cộng 573.000.000đồng với lãi suất 4.000đ/1.000.000đ/ngày để ông cho người khác vay lại ông đã trả lãi nhiều lần cho ông T. Số tiền ông vay không liên quan tới bà H3 vợ của ông. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà H3 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt và không có lời khai.

Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 57/2021/DS-ST ngày 26/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Duy T về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” với ông B, bà Ka Hàu.

Buộc ông B, bà Ka Hàu có trách nhiệm phải trả cho Nguyễn Duy T số tiền 1.939.688.000đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/12/2021, bà Ka Hàu kháng cáo không đồng ý việc bà phải có nghĩa vụ cùng ông B trả nợ cho ông Nguyễn Duy T.

Tại phiên tòa hôm nay,

Bà H3 vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn đề nghị giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự cũng đã chấp hành đầy đủ giấy báo của Tòa án, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình tại phiên tòa phúc thẩm. Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và qua tranh tụng công khai tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của bà H3 chỉ buộc ông B có nghĩa vụ trả số tiền nợ cho ông Nguyễn Duy T, sửa bản án dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

[1.1] Trong quá trình giải quyết vụ án ông B có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông B.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp: Xuất phát từ việc nguyên đơn ông Nguyễn Duy T cho ông B vay số tiền 1.452.000.000đồng để đáo hạn ngân hàng, thời gian vay từ ngày 10/3/2020 đến ngày 19/3/2020. Quá hạn ông B không trả như thoả thuận nên ông T khởi kiện. Còn bị đơn ông B không đồng ý trả số tiền trên nên các bên phát sinh tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” là có căn cứ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Sau khi xét xử sơ thẩm bị đơn ông B không kháng cáo về nghĩa vụ trả số nợ 1.939.688.000đồng (trong đó nợ gốc 1.452.000.000đ, nợ lãi 487.688.000đ) cho ông Nguyễn Duy T và không bị kháng nghị nên phần nghĩa vụ của ông B đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[2.2] Xét kháng cáo của bà H3 thấy rằng: Hợp đồng vay tiền ngày 10/3/2020 giữa bên cho vay là ông Nguyễn Duy T và bên vay là ông B theo đó

ông Nguyễn Duy T cho ông B vay số tiền 1.452.000.000đồng, thời hạn vay 10 ngày, ngày đến hạn trả 19/3/2020, mục đích vay để đáo hạn ngân hàng. Bà H3 cho rằng bà và ông B không có vay nợ Ngân hàng nên không có việc nguyên đơn cho ông B và bà vay để đáo hạn ngân hàng và việc vay của ông B làm gì bà không biết nên không đồng ý cùng ông B trả cho ông Nguyễn Duy T. Qua xem xét các chứng cứ và lời trình bày của nguyên đơn thì giữa nguyên đơn và bị đơn ông B đã quen biết từ lâu, giữa hai bên đã cho vay nhiều lần và việc vay được thực hiện tại nhà nguyên đơn, sau đó giữa hai bên đã thanh toán đầy đủ số tiền vay và nguyên đơn không biết bà H3 là vợ của ông B. Sau khi cho bị đơn vay tiếp số tiền 1.452.000.000đồng vào ngày 10/3/2020 do bị đơn không thanh toán đúng hạn qua tìm hiểu biết được bà H3 là vợ hợp pháp của ông B nên mới yêu cầu bà H3 có trách nhiệm cùng trả số tiền này. Hơn nữa trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ thì tại thời điểm này và thời điểm vay của ông B toàn bộ các tài sản của ông B và bà H3 không thể chấp để vay vốn tại các tổ chức tín dụng.

Hơn nữa tại đơn khởi kiện ngày 05/7/2020 (bút lục số 03) nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông B có nghĩa vụ trả toàn bộ số nợ trên, không yêu cầu bà H3 cùng có nghĩa vụ trả nợ như vậy đã thể hiện được ý chí của nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền vay ngày 10/3/2020, tuy nhiên tại thông báo thụ lý vụ án số 162/TB-TLVA ngày 5/10/2020 (bút lục số 06) Tòa án xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là yêu cầu vợ chồng ông B, bà H3 có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền trên là không đúng và giải quyết buộc vợ chồng ông B, bà H3 có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Duy T số tiền vay ngày 10/3/2020 vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu của nguyên đơn là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Tuy nhiên bản chất của vụ án là nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền vay việc huỷ bản án trên không làm thay đổi tính chất nội dung của vụ án, do vậy cần sửa bản án buộc bị đơn ông B có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Duy T số tiền 1.939.688.000đồng (trong đó nợ gốc 1.452.000.000đ, nợ lãi 487.688.000đ) là phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Từ những phân tích trên cần chấp nhận kháng cáo của bà H3 sửa bản án sơ thẩm theo hướng đã nhận định.

[3] Tại giai đoạn sơ thẩm nguyên đơn có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ. Tòa án cấp sơ thẩm đã ra Quyết định số:101/2020/QĐ-BPBD ngày 13/10/2020 buộc thực hiện biện

pháp bảo đảm và Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 66/2020/QĐ-BPKCTT ngày 14/10/2020 tuy nhiên lại không đề cập trong bản án là có thiếu sót.

[4] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bà H3 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận kháng cáo của bà H3, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 57/2021/DSST ngày 26/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Di Linh.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Duy T về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” với ông B.

Buộc ông B có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Duy T số tiền 1.939.688.000đồng (trong đó nợ gốc 1.452.000.000đ, nợ lãi 487.688.000đ).

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”.*

2. Về án phí:

Buộc ông B phải chịu 70.190.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Duy T số tiền 28.860.000đồng đã tạm nộp theo biên lai thu số AA/2017/0001540 ngày 01/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Di Linh.

Hoàn trả cho bà H3 số tiền 300.000đồng đã tạm nộp theo biên lai thu số 0006403 ngày 23/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Di Linh (do bà Ka Dim nộp thay)

3. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 66/2020/QĐ-BPKCTT ngày 14/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Di Linh và Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 101/2020/QĐ-BPBD ngày 13/10/2020 sẽ được xem xét giải quyết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND huyện Di Linh;
- Chi cục THADS huyện Di Linh;
- Phòng KTNV&THA;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thành Tâm**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ      THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Huỳnh Châu Thạch    Lê Thị Vân**

**Nguyễn Thành Tâm**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ    THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Hữu Nhân    Huỳnh Châu Thạch**

**Đỗ Mạnh Hùng**